

**TÌM HIỂU “‘LỤC ĐỘ TẬP KINH’
VÀ LỊCH SỬ KHỞI NGUYÊN CỦA DÂN TỘC TA” (1)
-- CHUYÊN LUẬN CỦA THIỀN SƯ, GSTS. LÊ MẠNH THẮT**

Trần Xuân An

- Sở dĩ có tình trạng ngỡ ngàng trước nguồn tư liệu của thiền sư, GSTS. Lê Mạnh Thát là bởi, không ai ngờ rằng huyền thoại lịch sử Lạc Long quân – Âu Cơ và truyền thuyết lịch sử An Dương vương vốn chứa đựng mỗi giao lưu văn hoá cùng các cuộc chiến tranh khốc liệt giữa Trung Hoa với Việt Nam, lại có nền móng chất liệu là văn hoá Ấn Độ và Phật giáo. – TXA.
- Chỉ với việc phát hiện, trích và dịch hàng loạt văn bản trong thư tịch cổ từ nhiều nguồn ngôn ngữ khác nhau (Sanskrit, Tạng, Hán...) có chứa đựng mẫu đề (motif) "trùng - trùng hạc - trùng rồng - bọc thối - trăn trùng - trăn con trai" hay "sùng tê - rẽ nước" đã là một đóng góp rất lớn của thiền sư, GSTS. Lê Mạnh Thát đối với việc nghiên cứu cổ sử và văn học dân gian cổ đại nước ta. Thử hỏi, trong giới nghiên cứu văn học, sử học ở Việt Nam ta và trong các nhà Việt Nam học ngoại quốc, cho đến nay, đã có ai làm được việc đó!... -- TXA.

1

Khởi đầu một bài nghiên cứu, Stephen O’Harrow (2) đã bày tỏ nỗi lo âu về nguy cơ rủi ro có thể gặp phải của các nhà nghiên cứu sử học về giai đoạn cổ đại trước những phát hiện mới của giới khảo cổ học. Điều đó chứng tỏ việc nghiên cứu các tư liệu dã sử, các ghi chép đời sau về thời kì hồng hoang, sơ khai của bất kì dân tộc nào trong các bộ sử thành văn luôn luôn bị thách thức bởi các di chỉ khảo cổ còn nằm đâu đó dưới lòng đất. Mặc dù các công trình sử học có vai trò hướng dẫn, gợi ý cho công tác khảo cổ, nhưng chính các di chỉ khảo cổ sẽ được phát hiện một ngày nào đó lại có thể làm sụp đổ các công trình sử học kia.

Tuy nhiên, nỗi âu lo ấy không hề làm chùn bước các nhà khoa học lịch sử. Giai đoạn huyền sử lung linh thời kì cổ đại vẫn luôn mời gọi, lôi cuốn sự khám phá của họ. Và họ ý thức rõ rệt, rủi ro nếu gặp phải, có thể khiến xô đổ công trình hàng trăm, hàng ngàn trang sách của họ, lại là hồng phúc của khoa học lịch sử.

Cùng với sự tự tin vào việc khám phá cổ sử của dân tộc ta, thiền sư, GSTS. Lê Mạnh Thát chắc hẳn cũng có niềm lo âu đó bên cạnh ý thức chấp nhận đánh đổi rủi ro để gạt hái hồng phúc ấy.

Nhưng dẫu sao ý tưởng trên cũng chỉ diễn đạt một trong các khả năng -- khả năng thất bại một cách vinh quang trên con đường nghiên cứu khoa học. Nói vậy, có nghĩa là con một khả năng khác nữa: thắng lợi của bản thân người nghiên cứu sóng đôi cùng hồng phúc của khoa học lịch sử. Công trình “‘Lục độ tập kinh’ và

lịch sử khởi nguyên của dân tộc ta” sẽ ngày càng được khẳng định bởi các di chỉ khảo cổ sẽ được phát hiện trong tương lai, chẳng hạn.

Biết vậy, nhưng ở thời điểm tháng 3 năm HB8 này, cũng như các tác giả nghiên cứu khác, tôi vẫn phải tìm hiểu và thử nhận định về chuyên luận của thiền sư, GSTS. Lê Mạnh Thát. Đồng thời, tôi cũng tự hiểu, đây một chuyên luận về sử cổ đại, thuộc lĩnh vực sở đoản của riêng tôi.

2

Không kể những trang có liên quan ở hai bộ sách “*Lịch sử Phật giáo Việt Nam*” (3) và “*Tổng tập văn học Phật giáo Việt Nam*” (4) của thiền sư, GSTS. Lê Mạnh Thát, ở cuốn chuyên luận này, ông đặc biệt đi sâu vào lịch sử cổ đại dân tộc ta. Cuốn sách dày đến 365 trang, chỉ xoáy vào các chủ đề được ông liệt kê ở mục lục và nhấn mạnh ở lời tựa, lời nói đầu cũng như tại phần tổng kết các chương sách, phần kết luận cuối phần nhận định tư liệu phụ lục. Với kết cấu chặt chẽ như thế, lần lượt thiền sư, GSTS. Lê Mạnh Thát đã làm sáng tỏ các chủ đề:

1. “*Về truyền thuyết trăm trứng*”
2. “*Về vấn đề An Dương vương*” và thành Cổ Loa
3. “*Thần Nông và triều đại Hùng Vương*”
4. “*Vấn đề tiếng Việt thời Hùng Vương*” (5)

Đó là những vấn đề sử học không mới, nhưng thiền sư, GSTS. Lê Mạnh Thát lại tạo nên một sự chấn động do những phát hiện tư liệu và kết luận nghiên cứu của chính ông, trong những ngày gần đây (6). Thật ra, công trình này của ông đã được hoàn tất và công bố trên sách báo, xuất bản, ấn hành từ năm 1972, cách đây 36 năm, nhưng mãi đến bây giờ mới được giới báo chí và nghiên cứu sử học cũng như các nhà giáo sử học cùng đồng đảo người đọc biết đến như những gì mới lạ nhất, có khả năng gây tranh cãi nhất. Các nhà sử học, khảo cổ học tên tuổi của nước ta cũng thừa nhận là những tư liệu do thiền sư, GSTS. Lê Mạnh Thát đưa ra trong cuốn sách của ông hầu hết chưa được giới sử học, khảo cổ học chuyên ngành cổ đại biết đến, và hầu như họ nhất trí cho rằng, kết luận nghiên cứu của ông là quá táo bạo. Tình hình công luận này là có thật, đang diễn ra.

Trong những vấn đề thiền sư, GSTS. Lê Mạnh Thát gây chấn động, huyền thoại “*Lạc Long Quân – Âu Cơ và trăm trứng*”, truyền thuyết “*An Dương vương và thành Cổ Loa*” có lẽ gây nhiều tranh luận nhất. Riêng tôi, tôi cũng không thể không quan tâm đến hai vấn đề ấy. Mặc dù đã viết vài ba bài khảo luận cùng mảng đề tài, nhưng thú thật tôi chưa từng được tiếp cận với tư liệu chủ yếu do thiền sư, GSTS. Lê Mạnh Thát dịch và khảo cứu.

Sở dĩ có tình trạng ngỡ ngàng trước nguồn tư liệu của thiền sư, GSTS. Lê Mạnh Thát là bởi, không ai ngờ rằng huyền thoại lịch sử Lạc Long quân – Âu Cơ và truyền thuyết lịch sử An Dương vương vốn chứa đựng mối giao lưu văn hoá cùng các cuộc chiến tranh khốc liệt giữa Trung Hoa với Việt Nam, lại có nền móng chất liệu là văn hoá Ấn Độ và Phật giáo. Nói đất nền, gạch móng là nói đến phần chìm, không thấy được. Quả vậy, trong hai truyện cổ dã sử ấy không có phần nổi như cây cột, thanh kèo nào hay chí ít là viên ngói nào mang bóng dáng, vết tích Ấn Độ và Phật giáo cả. Và dù sao, sự thể phần chìm Ấn Độ, Phật giáo ấy vẫn còn chấp nhận được trong chừng mức nhất định, nhưng kết luận của chuyên luận còn phủ nhận nhân vật lịch sử An Dương vương cùng hai nhân vật lịch sử khác, Mỵ Châu, Trọng Thủy, xem họ chỉ là sản phẩm hư cấu, truyền thuyết lịch sử đó chỉ là một phiên bản của sử thi Ấn Độ “Mahabharata”, ấy là điều thật sự cần tìm hiểu cho thật thấu đáo, trước khi chấp nhận hay không chấp nhận các kết luận của thiền sư, GSTS. Lê Mạnh Thát.

Nhưng trước khi tìm hiểu quá trình truy nguyên, đối chiếu so sánh các văn bản mà thiền sư, GSTS. Lê Mạnh Thát đã thực hiện, tưởng cũng cần gọi ra một thoáng liên hệ giữa bi kịch An Dương vương, Mỵ Châu -- Triệu Đà, Trọng Thủy với nhân vật lịch sử Triệu Quang Phục (ở ngôi: 549-570), con gái của ông và Lý Phật Tử cùng con trai là Nhã Lang. Mẫu đề (motif) truyền thuyết bi kịch lịch sử ấy lại một lần nữa phục hiện ở thế kỉ thứ VI (7)... Sự trùng điệp này phải chăng là một dữ kiện quan trọng để kết luận mẫu đề (motif) truyền thuyết An Dương vương chỉ là một chất liệu hư cấu có chủ đích biểu đạt sự thật lịch sử hay chỉ nhằm thể hiện *bi kịch nội tâm - chính kiến* của một phân số nhân dân theo phương cách văn học, trong thuở xa xưa?

3

Khi đọc “‘Lục độ tập kinh’ và lịch sử khởi nguyên của dân tộc ta”, chúng ta có thể thấy ngay các thao tác truy tìm xuất xứ chất liệu gốc của huyền thoại “Lạc Long Quân – Âu Cơ và trăm trứng” được thiền sư, GSTS. Lê Mạnh Thát thực hiện.

-•- Trước hết, ông mở những trang đầu tiên thuộc hai bộ sử lớn nhất của nước ta, được hoàn chỉnh, khắc in dưới triều Lê (Hi Tông, 1697) và triều Nguyễn (Tự Đức - Kiến Phúc, 1884): “Đại Việt sử kí toàn thư” (gọi tắt là *Toàn thư*) và “Khâm định Việt sử thông giám cương mục” (gọi tắt là *Cương mục*). Thêm vào đó, ông còn khảo qua “Đại Việt sử kí” được biên soạn dưới triều Tây Sơn (1800).

-•- Tiếp theo, thiền sư, GSTS. Lê Mạnh Thát chỉ rõ nguồn tư liệu trực tiếp của các bộ sử ấy là từ “Lĩnh Nam chích quái” (Trần Thế Pháp, thời Lý - Trần của nước ta).

-●- Thao tác kế tiếp, truy nguyên về “*Lục độ tập kinh*”, mà theo ông, là một bản dịch ra tiếng Hán từ nguyên bản tiếng Việt, được thực hiện bởi Khương Tăng Hội (thế kỉ 3 s.cn.).

-●- Chuyên luận còn truy nguyên đến nguồn thư tịch cổ Trung Hoa như “*Kinh Thi*” với bài “*Tư Tế*”, và xa hơn nữa, “*Lôi dân truyện*” của Trầm Ký Tế; nguồn thư tịch cổ của người Phê-ni [Phénicie] (trích dẫn theo văn bản của Yêu-sê-bi-út, 266-340 s.cn.).

-●- Nhưng chủ yếu chuyên luận lại quay về với nguồn thư tịch cổ Ấn Độ: “*Bách thoại*”, Phạn bản (thế kỉ VIII), Tạng bản (thế kỉ VIII) và Hán bản (220-252 s.dl.). Ở bản Hán văn, sách có tên là “*Soạn tập bách duyên kinh*”, do Chi Khiêm dịch. Nguồn chất liệu còn được khảo sát: “*A ti đạt ma đạì ti bà sa luận*” (thế kỉ I tr.dl. – I s.dl.) cùng các văn bản thừa kế và phát triển khác.

-●- Cuối cùng, nguồn chất liệu cổ xưa nhất được thiên sư, GSTS. Lê Mạnh Thát xác định là truyện Gandhari trong sử thi “*Mahabharata*” (Đại Bha-ra-ta) (8) (9).

Nếu đảo ngược quy trình đó để khảo sát bản thân chất liệu, chúng ta thấy: Khởi nguyên của vũ trụ: vũ trụ bao gồm cả chúng sinh muôn loài là một cái trứng lớn (Mahabharata 1.1.27-38) hay một cái bào thai có hình dạng một cái trứng (huyền thoại của người Phêni). Và cụ thể ở một gia đình: một bọc thịt bị tách ra làm trăm mảnh, bỏ trong trăm cái hũ đầy bơ, nở ra trăm người con (truyện Gandhari trong Mahabharata: 1.107.1-37); hai người con sinh ra từ 2 trứng hạc; rồi 25, 32, 500 trứng, mỗi trứng nở một người con (qua nhiều truyền thuyết, văn bản khác nhau, như “*A ti đạt ma đạì ti bà sa luận*”); một bọc thịt sau bảy ngày nở ra trăm con trai (“*Bách thoại*” mà ở bản Hán văn có tên “*Soạn tập bách duyên kinh*”); một ông vua có nhiều thê thiếp nên có đến trăm con trai (“*Kinh Thi*”); trứng nở ra người (“*Bác vật chí*”); và trăm trứng nở ra trăm con (văn bản gần nhất với huyền thoại “*Lạc Long Quân – Âu Cơ và trăm trứng*” trong “*Lĩnh Nam chích quái*” là “*Lục độ tập kinh*”).

Trong hàng loạt văn bản ấy, có vài ba truyện có lẽ là nòng cốt nhất. Thử chép lại một vài đoạn:

● a. Mahabharata 1.1.27-38:

“Vào thời thế giới này mịt mờ không ánh sáng và hoàn toàn bao phủ trong bóng tối, có một cái trứng lớn làm hạt giống vô tận cho hết mọi sinh vật. [...] Nước, trời, đất, gió, hư không, tứ phương, năm, mùa, tháng, tuần, ngày, đêm cũng lần lượt sinh xuất [từ trứng ấy]. Và đây là sự sinh của tất cả mọi vật được biết ở trên thế giới này” (10).

● b. Mahabharata 1.107.1-37: Truyện Gandhari:

“Vai sam pa ya na nói: “Một hôm, Đơ vai pa ya na đến, đói và mệt. Gan dha ri cúng dường ông. Bằng lòng với cách đối xử, người cho nàng một lời ước. Nàng bèn ước rằng, nàng sẽ có từ nàng một trăm người con giống như chồng nàng. Thế là đến thời có thai với Bảo Kiên, Gan dha ri mang thai, nhưng đã mang thai hai năm dài, mà vẫn không sinh, nên nàng rất buồn khổ. Khi nghe Kun ti sinh một người con rạng rỡ như mặt trời mới mọc, Gan dha ri chịu không được nữa sự thai nghén lâu dài của mình, bèn mất hết suy nghĩ vì buồn khổ, bèn đánh mạnh vào cái thai mà không cho Bảo Kiên biết. Vì thế, một bọc thịt như cục sắt trụy ra sau hai năm thai nghén. Khi nàng sắp quăng nó đi, thánh Đơ vai pa ya na biết, nhờ thần lực, liền tức khắc hiện đến, nhìn bọc thịt vừa trụy, rồi hỏi người con gái họ Su ba la: ‘Con làm sao thế?’. Nàng bèn đem hết sự thật lòng mình giải bày cho người cao cả rằng: ‘Con nghe Kun ti sinh một người con trai đẹp tuyệt vời như mặt trời mới mọc, nên vì quá buồn khổ con đánh mạnh vào cái thai. Hỡi người tiên, ngài đã cho con ước một trăm người con, nhưng thay vì một trăm người con đó, con nay chỉ có một bọc thịt này mà thôi’”. Và sa nói: [...] . Vai sam pa ya na nói: “Bọc thịt ấy, khi được rưới nước, sẽ biến thành một trăm mảnh, mỗi mảnh lớn bằng ngón tay trở. Mỗi mảnh ấy bấy giờ được đem bỏ trong một cửa của một trăm cái hũ đầy bơ trong ấy, một cách đúng cách, và được giữ gìn một cách cẩn thận... [...] Bấy giờ Thế Tôn dạy người con gái họ Su ba la rằng: ‘Nàng chỉ mở những cái hũ ấy sau khi đã đủ hai năm’. [...] Rồi lần lượt vua Đu ry ô dha nô sinh ra từ một giữa những cái hũ ấy. [...] Thế là trong khoảng một tháng trời, một trăm người con trai sinh ra cho Bảo Kiên...” (11).

Ngoài ra, trong Mahabharata cũng còn có một vài đoạn khác:

Đoạn: 1.14.1-23: “Ka đờ ru ước mình sẽ có một ngàn con rồng vinh dự như nhau để làm con mình. [...] Khi đủ tháng, Ka đờ ru sinh ra một ngàn cái trứng... [...] Thế rồi, năm trăm năm trôi qua, những người con của Ka đờ ru nở ra từ những cái trứng...” (11).

- c. “A ti đạt ma đại ti bà sa luận”:

“Người sinh từ trứng là: Xưa ở châu này có người đi buôn vào biển được một con hạc mái, hình sắc lớn đẹp, lấy làm lạ, nhưng vui. Chim sinh hai quả trứng, về sau, trứng nở ra hai đứa trẻ đẹp để thông minh, lớn tuổi xuất gia, đều được quả a la hán” (12).

- d. “Câu xá luận kí” do Đại Thừa Quang viết sau “Lục độ tập kinh” 400 năm:

“Ban Già La (Lê?) là tên đất, tiếng Đường là “giữ năm” (chấp ngũ). Vua này do đất mà đặt tên. Vương phi sinh năm trăm trứng xong, xấu hổ, sợ là tai biến, bèn lấy một hộp nhỏ đựng đầy, vớt xuống sông Hằng, theo dòng trôi đi. Bên dưới có vua nước láng giềng, nhân đi xem sông, sai người tiếp lấy, thấy trứng, đem về. Trải

mấy ngày, mỗi trứng nở ra một người con. Nuôi lớn, chúng kêu dững. Đến đâu, người ta đều hàng, không dám cự lại. Bấy giờ vua nước láng giềng cùng vua cha chúng thù oán lâu rồi, định sai chinh phạt, trước viết thư báo là nay muốn quyết chiến, rồi đưa lính tới vây thành, sắp đánh phá ngay. Vua Ban Già La (Lê?) rất hoang mang, sợ hãi. Vương phi hỏi lí do, an ủi vua, nói rằng: “Vua không nên buồn, năm trăm người con đó đều là con tôi”. Rồi kể hết việc cũ. “Hể con thấy mẹ, lòng ác biến mất”. Vương phi tự lên thành, kể lại chuyện trên, bảo năm trăm người con: “Vi sao ngày nay muốn gây tội nghịch? Nếu không tin thì đều há miệng”. Vương phi đè vú, có năm trăm dòng sữa, mỗi dòng chảy vào một miệng. Tức khắc, chúng tin phục, nhân thế hoà hảo, mới khởi lòng từ. Hai nước giao hảo, vĩnh viễn không chinh phạt nhau” (13).

- đ. “Soạn tập bách duyên kinh” (bản Hán văn của Bách thoại, được Chi Khiêm dịch từ khoảng giữa các năm 220-252):

“Phật ở tại nước Ca tì la vệ dưới cây ni câu đà. Lúc bấy giờ ở trong thành ấy có một trưởng giả, của cải châu ngọc vô lượng, không thể kể xiết, tuyển chọn nhà sang, cưới gái làm vợ, đờn ca nháy múa, để mà ăn mừng. Vợ ông có thai, đủ đầy mười tháng, sinh một bọc thịt. Lúc trưởng giả kia, thấy việc như vậy, lòng bèn buồn bã, cho là không lành. Bèn đến chỗ Phật, lạy trước chân Phật, quỳ xuống thưa Phật: “Vợ con có thai, sinh một bọc thịt, không biết, thưa Thế Tôn, xấu tốt thế nào. Nguyện xin Thế Tôn, xem xét, bảo cho con biết”. Phật bảo trưởng giả: “Người chẳng ngờ lạ, chỉ khéo nấng nuôi, bảy ngày đủ xong, người sẽ tự thấy”. Lúc trưởng giả kia, nghe lời ấy xong, bèn vui khôn xiết, trở về trong nhà, bảo sai nuôi nấng. Khi bảy ngày qua, bọc thịt nở ra, có trăm con trai. Chúng rất đoan chính, đời ít khi có. [...] Khi bọn trẻ ấy, nghe lời đó rồi, chúng trở về nhà, già từ cha mẹ, xin được xuất gia...” (14).

- e. “Lục độ tập kinh” (do Khương Tăng Hội dịch từ nguyên tác tiếng Việt cổ):

“Xưa có mẹ góa, làm thuê cho một nhà giàu, trông coi vườn ruộng. Người chủ có việc, cho ăn quá giờ. Đến lúc định ăn, sa môn tới xin. Lòng nghĩ: “Người này dứt dục bỏ tà, nét hạnh thanh chân. Cứu người đói bốn biển không bằng cúng một chút cho bậc chân hiền giới hạnh thanh tịnh”. Bèn đem phần ăn để hết vào và một cành hoa sen để lên bát mà dâng. Đạo nhân hiện thân thông, phóng ra ánh sáng. Người mẹ vui vẻ khen: “Đây đúng là bậc thần thánh sao? Nguyện tôi sau này sinh được một trăm người con như vậy”.

Mẹ góa chết, hồn đi, muốn làm con nối dõi người phạm chí, nên hồn tụ lại chỗ tiểu tiện của phạm chí. Con nai liếm tiểu tiện, liền cảm thụ thai. Mãn ngày, sinh một bé gái. Phạm chí nuôi nấng, lúc hơn mười tuổi, mặt mày sáng rỡ, dáng vẻ yêu kiều, ở nhà giữ lửa. Cô chơi với nai, không ngờ lửa tắt. Cha về giận dữ, sai đi xin lửa. Cô đến xóm người, mỗi bước mọc một hoa sen. Người chủ có lửa nói: “Cô đi ba vòng nhà ta, ta sẽ lấy lửa cho cô”. Cô đi theo lời, hoa mọc trên đất quanh nhà ba vòng.

Hành giả nghĩ chân, không ai không lấy làm lạ. Phút chốc tiếng đồn đến tai quốc vương.

Vua sai thầy tướng xem tướng sang hèn. Thầy nói: "Ất có con nói dòng thánh truyền ngôi vô cùng. Vua sai hiền thân đủ lễ rước về. Mặt hoa đẹp đẽ, cung nhân không ai bằng. Mang thai đủ ngày, sinh ra một trăm cái trứng, hoàng hậu cung phi cho đến tì thiếp không ai là không ghét. Bèn chặt cây chuối khắc hình tượng quỉ, đợi khi sinh, lấy tóc phủ lên mặt, bôi nước bùn dơ lên cây chuối rồi đem trình vua. Bọn yêu che sáng, vua lầm tin theo.

Lũ tà lấy hũ đựng trứng, bịt kín miệng lại, quăng xuống giòng sông. Trời Đế Thích xuống lấy ấn đóng miệng lại, chur thiên theo giữ, xuôi dòng dừng lại như trụ cắm đất. Vua nước hạ lưu đang ở trên đài, xa thấy giữa dòng có hũ trôi xuống, ánh sáng rực rỡ, như có oai trời. Bèn vọt lên xem, thấy dấu ấn Đế Thích, mở có trăm trứng, ra lệnh trăm người đàn bà áp nuôi ầm nóng. Đủ ngày thành hình, nở ra trăm người con trai.

[Những người con trai này] sinh ra đã có trí thượng thánh, không dạy mà vẫn tự biết, nhan sắc hơn đời, tướng tốt hiếm có, tài cán thế lực hơn người trăm lần, tiếng nói vang như sấm rống. Vua liền sắm đủ một trăm voi trắng, yên cương bảy báu, để cho con thánh nói dòng, khiến đi chinh phạt lân quốc. Bốn phương hàng phục, đều đến xưng thần. Lại đi đánh nước mình sinh ra. Cả nước lớn bé không ai là không run sợ. Vua hỏi: "Ai có khả năng chống lại lũ địch này?". Phu nhân nói: "Đại vương đừng sợ, hãy xem quân địch từ đâu, công thành hướng nào thì đến đó dựng đài quan sát. Tôi sẽ vì vua mà hàng phục chúng". Vua liền ra xem quân địch từ đâu, rồi cho dựng đài.

Người mẹ lên đài, cất tiếng nói: "Tội lớn phản nghịch có ba. Không xa bọn tà, đời sau chịu tội, đó là một. Sống không biết cha mẹ, làm ngược hiếu hạnh, đó là hai. Ý thế giết cha mẹ, độc ác với ba ngôi báu, đó là ba. Ôm giữ ba nghịch, ác ấy không gì che nổi, các người há miệng, chúng có hiện ngay". Người mẹ nắm vú mình, trời khiến sữa bắn, khắp miệng trăm con. Cảm sự tinh thành, uống sữa lòng buồn. Tất cả đều nói: "Đây chắc mẹ ta". Nước mắt ràn rụa, chấp tay bước lên, cúi đầu hối lỗi. Mẹ con mới gặp, không ai là không khóc lóc.

Hai nước hòa thuận, tình hơn anh em, tám phương vui mừng, không ai là không khen hay. Các con thấy đời vô thường hư huyễn, giã từ cha mẹ học đạo, xa đời dơ bẩn. Chín mươi chín người con đều chứng Duyên giác. Một người trị nước. Vua cha băng hà, bèn lên làm vua, đại xá các tội, phá bỏ lao ngục, san bằng hào ải, miễn tha tô tước, an ủi người hiếu đễ, nuôi dưỡng kẻ cô độc, mở kho tàng bố thí lớn, tùy ý dân muốn mà cho, lấy mười điều thiện làm phép nước, mọi người đều vâng đạo, nhà có con hiếu, dựng chùa lập tháp, cúng dường sa môn, đọc kinh luận đạo, miệng không nói ác, độc dữ tiêu hết, thọ mệnh càng dài. Thiên đế nuôi giúp như cha mẹ nuôi con.

Phật bảo các sa môn: "Người ở lại làm vua là thân ta. Vua cha nay là Bạch Tịnh, mẹ là Xá Diệu".

Hạnh thương cho vô bờ của Bồ tát, bố thí như vậy” (15).

Qua việc khảo sát một loạt dẫn chứng tiêu biểu kể trên, chúng ta thấy, chi tiết “trứng - trứng hạc - trứng rồng - bọc thịt - trăm trứng - trăm con trai” vẫn chỉ là một chất liệu được sử dụng như một chi tiết cốt lõi mà thôi, không phải bao gồm cả cốt truyện, nhân vật như ở các mẫu đề (motif) khác, nếu so sánh chúng với huyền thoại “Lạc Long Quân – Âu Cơ và trăm trứng” (truyện họ Hồng Bàng) của Việt Nam chúng ta.

Xin đọc lại và đối chiếu:

Truyện HỌ HỒNG BÀNG (từ “Lĩnh Nam chích quái”):

“Đế Minh là cháu ba đời họ Viêm Đế Thần Nông sinh ra Đế Nghi, nhân dịp tuần thú phía Nam, đến núi Ngũ Lĩnh lấy được con gái bà Vụ Tiên rồi trở về, sinh ra Lộc Tục. Lộc Tục dung mạo đoan chính, bẩm tính thông minh, Đế Minh lấy làm lạ, cho nói ngói mình. Lộc Tục cố từ chối, xin nhường cho anh. Đế Minh liền lập Đế Nghi làm kẻ nói ngói để cai trị đất Bắc; lại phong Lộc Tục làm Kinh Dương Vương cai trị đất Nam, lấy hiệu là Xích Quỷ. Kinh Dương Vương có tài đi dưới nước, lấy con gái vua Hồ Động Đình là Long Vương, sinh ra Sùng Lãm, hiệu là Lạc Long Quân, cho nói ngói trị nước. Về sau không biết Kinh Dương Vương đi đâu mất.

Lạc Long Quân dạy dân việc cày cấy, trồng dâu, đặt ra thứ bậc vua tôi, tôn ti, các đạo cha con, vợ chồng. Có khi trở về Thủy cung mà trăm họ vẫn yên vui vô sự, không biết vì đâu được như vậy. Hễ dân có việc, lại lớn tiếng gọi Long Quân rằng:

- Bố ơi ở đâu mà không lại cứu chúng tôi?

Long Quân tới ngay. Sự linh hiển cảm ứng của Long Quân, người đời không ai lường nổi.

Đế Nghi truyền ngói cho con là Đế Lai, cai trị Bắc phương. Nhân khi thiên hạ vô sự bèn sai bề tôi là Si Vụ thay mình trông coi quốc sự, rồi tuần du xuống nước Xích Quỷ ở phía Nam. Khi đó, Long Quân đã về Thủy cung, trong nước không có chúa. Đế Lai bèn để ái nữ là Âu Cơ và các thị tì ở lại rồi đi chu du thiên hạ, thường ngoạn các nơi danh thắng. Thấy hoa kì cỏ lạ, trân cầm dị thú, tê giác, voi, đòi mồi, vàng bạc, hồ tiêu, quế, thạch nữ, các loại cây trăm hương, đàn hương, các sơn hào hải vật không thiếu thứ gì, khí hậu bốn mùa không lạnh không nóng. Đế Lai rất thích, vui quên trở về. Dân phương Nam khổ vì bị người phương Bắc quấy nhiễu, không được yên sống như xưa, mới cùng gọi Long Quân:

- Bó ơi ở đâu mà để cho người phương Bắc xâm nhiễu dân.

Long Quân đột nhiên trở về, thấy Âu Cơ có dung mạo đẹp để kì lạ, trong lòng vui mừng, bèn hóa thành một trang thiếu niên phong tư tú lệ, tả hữu có kẻ hầu người hạ đông đúc, vừa đi vừa ca hát, đánh trống, thổi sáo. Cung điện dựng lên, Âu Cơ vui lòng theo Long Quân. Long Quân giấu Âu Cơ ở Long Đài Nham. Đế Lai trở về, không thấy Âu Cơ sai quân thần đi tìm khắp thiên hạ. Long Quân có phép thần thông, biến hóa thành trăm hình vạn trạng, yêu tinh, quỷ, rồng rắn, cọp voi... khiến những người đi tìm đều sợ hãi, không dám sục sạo. Đế Lai đành phải trở về.

Truyền ngôi đến đời Du Vỹ, thì Si Vụ làm loạn. Vua nước Hữu Hùng là Hiên Viên đem chư hầu đến đánh, nhưng không thắng. Si Vụ mình thú mà nói tiếng người, có sức khỏe dũng mãnh. Có người dạy Hiên Viên dùng da thú làm trống trận, Si Vụ sợ hãi chạy về đất Trác Lộc. Đế Du Vỹ xâm lăng chư hầu, cùng Hiên Viên giao tranh ở Phấn Tuyên, đánh ba trận thì thua, bị giáng phong ở đất Lạc Ấp, rồi chết ở đó. Dòng họ Thần Nông tới đây là hết.

Long Quân lấy Âu Cơ một năm thì nàng đẻ ra một bọc, cho là điềm chẳng lành, vất ra cánh đồng. Qua sáu bảy ngày, bọc vỡ ra một trăm quả trứng, mỗi trứng nở một con trai, mới đem về nhà nuôi. Không phải bú mớm, các con tự lớn lên trông đẹp để kì dị, người nào cũng trí dũng song toàn, ai nấy đều kính trọng, cho là chuyện phi thường. Long Quân ở lâu dưới Thủy quốc, vợ ở lại muốn trở về đất Bắc. Về tới biên giới, Hoàng Đế nghe nói, rất sợ hãi, cho binh ra chặn cửa ải. Mẹ con Âu Cơ không thể về được, bèn quay lại nước Nam mà gọi Long Quân rằng:

- Bó ở nơi nào mà để mẹ con tôi cô độc, ngày đêm buồn khổ thế này?

Long Quân bỗng trở về, gặp nhau ở đất Tương. Âu Cơ nói:

- Thiếp vốn là người nước Bắc, ở với vua, sanh được trăm con trai, vua bỏ thiếp mà đi, không cùng thiếp nuôi con, khiến cho kẻ vô phu vô phụ này chỉ biết thương cho thân phận mình.

Long Quân nói:

- Ta là nòi rồng đứng đầu thủy tộc, nàng là giống tiên sống ở trên đất, tuy khí âm dương hợp lại mà sinh ra con, nhưng thủy hỏa tương khắc, dòng giống bất đồng, khó ở lâu với nhau được, nay phải chia ly. Ta đem năm mươi con về thủy phủ chia trị các xứ, năm mươi con theo nàng về ở trên đất, chia nước mà trị. Lên núi, xuống biển, hữu sự báo nhau cho biết, đừng quên nhau.

Trăm con vâng theo, sau đó từ biệt nhau mà đi.

Âu Cơ và 50 con lên ở đất Phong Châu (nay là huyện Bạch Hạc), cùng tôn con trưởng lên làm vua, hiệu là Hùng Vương, lấy tên nước là Văn Lang. Đông giáp Nam Hải, Tây tới Ba Thục, Bắc tới Đông Đình Hồ, Nam tới nước Hồ Tôn (nay là Chiêm Thành). Chia nước làm 15 bộ (còn gọi là quận) gồm: Việt Thường, Giao Chỉ, Chu Diên, Vũ Ninh, Phúc Lộc, Ninh Hải, Dương Tuyền, Lạc Ấi, Hoài Hoan, Cửu Chân, Nhật Nam, Chân Định, Văn Lang, Quế Lâm, Tượng Quận. Chia các em ra cai trị và đặt số em còn lại làm tướng văn, tướng võ. Văn là Lạc Hầu, võ là Lạc Tướng. Con trai của vua gọi là Quan Lang, con gái của vua gọi là My Nương, trăm quan gọi là Bồ Chính, Thần Bộc, nữ lệ gọi là Xảo Xứng (còn gọi là nô tì). Bề tôi gọi là Hồn, đời đời cha truyền con nối gọi là phụ đạo. Vua đời đời thế tập gọi là Hùng Vương, không hề thay đổi.

Lúc ấy dân sống ở rừng và chân núi xuống nước đánh cá thường bị giồng giao long làm hại, bèn nói với vua. Vua trả lời:

- Giồng sơn man và giồng thủy tộc khác hẳn nhau, giồng thủy tộc yêu kẻ giồng mình, ghét kẻ khác mình cho nên hại nhau đó.

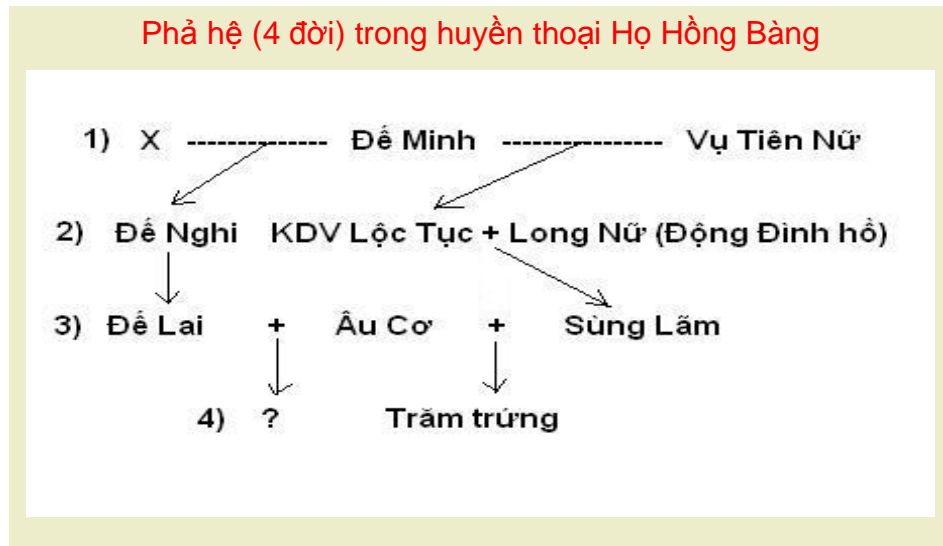
Bèn bảo người đời lấy mực xâm vào mình theo hình Long Quân, theo dạng thủy quái. Từ đó, dân không bị tai họa giao long làm hại nữa. Tục xâm mình của dân Bách Việt cũng bắt đầu từ đây. Hồi mới lập quốc, dân không đủ đồ dùng, phải lấy vỏ cây làm áo, dệt cỏ tranh làm chiếu, lấy nước cốt gạo làm rượu, lấy cây quang lang, cây tung lư làm cơm (có chỗ viết là để uống), lấy cầm thú, cá, ba ba (cua đĩnh) làm mắm, lấy rễ gừng làm muối, phát nương đốt rẫy. Đất sản xuất được nhiều gạo nếp, lấy ống tre mà nấu cơm. Bắp cây làm nhà sàn để tránh cọp sói. Cắt tóc ngắn để dễ đi lại trong rừng. Để con ra thì lấy lá chuối lót cho nằm, có người chết thì già cối làm hiệu, người lân cận nghe tiếng đến cứu giúp. Chưa có trâu cau, việc hôn thú giữa nam nữ lấy gói muối làm đầu, sau đó mới giết trâu dê làm lễ, lấy cơm nếp để nhập phòng cùng ăn, sau đó mới thành thân.

Trăm người con trai chính là tổ tiên của người Bách Việt vậy” (16).

Trên cơ sở khảo sát những tư liệu đã dẫn, chúng ta có thể nói “Lạc Long Quân – Âu Cơ và trăm trứng” (truyện họ Hồng Bàng) vẫn là một huyền thoại độc sáng của dân tộc Việt Nam thời cổ đại, không thể nói là phiên bản của bất kỳ huyền thoại, truyền thuyết, sử thi của bất kỳ dân tộc nào. Đối với “Mahabharata” và các tư liệu liên quan (có nhiều tư liệu xuất hiện sau), nó chỉ tiếp nhận (hoặc cung cấp) một chi tiết về trứng - trứng hạc - trứng rồng - bọc thịt - trăm trứng - trăm con trai (đồng bào), ngoài ra nhân vật và kết cấu truyện, hoàn toàn khác hẳn. Đây cũng là một hiện tượng thường thấy trong sự giao lưu văn hoá – tôn giáo trên các châu lục, ở Phương Đông cũng như Phương Tây. Và điều cần thấy rõ là mọi quá trình giao lưu văn hoá – tôn giáo đều có tác động ít nhất là hai chiều. Thiên sư, GSTS. Lê Mạnh Thát cũng đã khẳng định điều đó:

“Với những phân tích trên, bây giờ chúng ta có thể chắc chắn nó không thể ra đời chậm hơn thượng bán thế kỉ thứ III s.dl. với tư liệu xưa nhất hiện biết là “Lục độ tập kinh” do Khương Tăng Hội dịch từ một nguyên bản tiếng Việt khoảng giữa những năm 221-251. Tác giả nguyên bản này có thể đã tiếp thu tư liệu từ một dịch bản tiếng Việt anh hùng ca Mahabharata, rồi đưa thêm vào những tình tiết Việt, nhằm tạo cho nó một bộ mặt Việt Nam quen thuộc, từ truyền thống Hồng Bàng. Truyền thuyết đây chắc chắn đã tồn tại trước sự biến năm 43...” (17).

Ngoài ra, thiên sư, GSTS. Lê Mạnh Thát còn lập phả hệ rút ra từ Mahabharata và từ “Lạc Long Quân – Âu Cơ và trăm trứng” (truyện họ Hồng Bàng) trong “Lĩnh Nam chích quái”, mặc dù “Toàn thư” rồi “Cương mục” đã hiệu chính (Âu Cơ là con gái chứ không phải vợ của Đế Lai, và cuộc hôn nhân Lạc Long Quân – Âu Cơ không phản ánh việc cướp vợ như chiến lợi phẩm, trong thời hồng hoang) (18):





Tôi nghĩ rằng, hai bản phả hệ chỉ thể hiện tính tương đồng về mô thức chung trong lĩnh vực hôn nhân – gia đình của các dân tộc thời cổ đại, ở Ấn Độ cũng như ở Việt Nam, và cả ở Trung Hoa. Điều này cũng có thể kiểm chứng qua nhiều tư liệu cùng thời. Ngay trong hiện thời, chắc hẳn mô thức hôn nhân - gia đình hiện đại của người Ấn, người Hoa, người Việt (“*mười đời không rời cặp tay*”, không xem là ngoại tộc để kết hôn) và nhiều dân tộc khác nữa về cơ bản cũng không khác nhau, đặc biệt là các dân tộc ảnh hưởng luân lí Nho giáo. Nói chung, mỗi thời đại có một mô thức chung về hôn nhân – gia đình của các dân tộc đồng văn hay có giao lưu văn hoá. Thời cổ đại cũng thế. Không thể căn cứ vào hai bản phả hệ này để chứng minh sự ảnh hưởng giữa “*Mahabharata*” với “*Truyện Lạc Long Quân – Âu Cơ và trăm trứng*”.

Tưởng cũng cần lưu ý: Ai cũng biết rằng sự việc trong huyền thoại “*Lạc Long Quân – Âu Cơ và trăm trứng*” đã diễn ra cách đây hơn 4.850 năm (Kinh Dương vương Lộc Tục lên ngôi vào năm 2879 tr.cn., tính đến năm 2008 s.cn. này là đã được 4887 năm). “*Toàn thư*” đã ghi rõ như vậy. Vì thế, những chi tiết thuộc loại “*hồng hoang cổ sơ*” là có thể hiểu được.

Vượt lên những điều trên, chúng ta thấy quan hệ giao lưu văn hoá giữa Việt Nam - Ấn Độ - Phật giáo - Trung Hoa đã diễn ra từ thời cổ đại, đặc biệt là tương quan đẳng lập giữa Việt – Hoa, như Nguyễn Trãi về sau đã viết: “*Mỗi bên hùng cứ một phương*”. Một điều khác, tôi chợt nhận ra nguyên nhân nào huyền thoại khởi nguyên của dân tộc ta lại thể hiện sự liên hệ với Trung Hoa (Phương Bắc) nhưng lại không có chi tiết bề nổi nào thể hiện liên hệ với Ấn Độ: Có lẽ huyền thoại này cũng là một cách giải thích về màu da vàng sáng của các dân tộc Việt, Hoa, Tây

Tạng, Triều Tiên, Mông Cổ, Nhật Bản... trong đại chủng da vàng châu Á (gồm cả vàng sẫm như Ấn Độ, Népal, Indonésia...).

Cũng bởi ý thức xem trọng tư liệu, trong trường hợp bài này, tôi không lạm bàn, mà chỉ liệt kê lại các tư liệu. Qua việc khảo sát tư liệu, chúng ta có thể rút ra kết luận. Chỉ xin nói thêm một lần nữa, thiền sư, GSTS. Lê Mạnh Thát đã dày công phu thu thập rất nhiều nguồn tư liệu (Sankrit, Tạng, Hán...), có nhiều tư liệu thuộc loại kinh điển trong Ấn giáo, Phật giáo, mãi đến nay giới sử học mới biết đến, và ông đã ra sức trích dịch, phân tích trong cuốn chuyên luận này, mà bên trên chỉ là những đoạn trích tiêu biểu nhất.

4

Nếu huyền thoại lịch sử “*Lạc Long Quân – Âu Cơ và trăm trứng*” đã diễn ra cách đây hơn 4.850 năm, truyền thuyết lịch sử “*An Dương vương - Triệu Đà và Mỵ Châu - Trọng Thủy*” chỉ ghi dấu một sự kiện cách chúng ta chưa tới 23 thế kỉ (An Dương vương lên ngôi: - 257 và mất: - 208, thuộc nửa sau thế kỉ thứ 3 trước công nguyên dương lịch). Nếu sự tích “*Trăm trứng*” là lịch sử khởi nguyên của dân tộc ta và cũng khởi đầu thời kì huyền sử trong các bộ sử kí, thì những cái chết đầy tính bi kịch trong truyền thuyết An Dương vương – ghi nhận giai đoạn lịch sử “bản lề” – cũng chấm dứt thời kì huyền sử ấy.

Vấn đề truyền thuyết “*An Dương vương*” đã gây tranh cãi từ lâu, với các nhà nghiên cứu như Nguyễn Văn Siêu, Maspéro, Przulski, Ngô Tất Tố, và có thể kể thêm Nhưộng Tống (19)... Ngô Tất Tố đại để đã cho rằng, *lịch sử nước ta không có ông An Dương vương nhà Thục*. Thiền sư, GSTS. Lê Mạnh Thát lại tiếp tục xới lại vấn nạn sử học này, và qua một loạt thao tác truy nguyên, ông đã đi đến kết luận một cách quyết liệt.

Cũng như với huyền thoại “*Lạc Long Quân – Âu Cơ và trăm trứng*”, nhưng ở đây, thiền sư, GSTS. Lê Mạnh Thát khởi đầu bằng việc trích dẫn “*Đại Việt sử lược*” và chỉ nhắc qua “*Toàn thư*”, “*Cương mục*”. Có lẽ ông nghĩ như thế cũng đủ để đặt vấn đề.

Luận cứ chính của thiền sư, GSTS. Lê Mạnh Thát là bức thư của Triệu Đà đệ gửi vua Hán Văn đế (179-157 tr.cn.). Ngay trong lời nói đầu, ông viết:

“... nổi bật nhất là một lá thư do Triệu Đà gửi cho Hán Văn đế vào khoảng 179 t.dl. do Tư Mã Thiên trong “*Sử kí*” hay Ban Cố trong “*Tiền Hán thư*” chép lại, ghi nhận nước ta lúc ấy, tức Tây Âu Lạc Việt đang có vua. Vậy, dù không phải bất cứ lúc nào các sử liệu Trung Quốc cũng có giá trị, trong trường hợp này ta có thể chắc chắn vào thời điểm ấy, tức năm 179 t.dl., nước ta còn có vua. Từ đó, dĩ nhiên

không có sự kiện Triệu Đà đánh An Dương vương. Thế thì An Dương vương do đâu ra?” (20).

Ở gần cuối sách, tổng kết cho công trình của mình, thiển sư, GSTS. Lê Mạnh Thát khẳng định:

“.. xuất phát từ một lá thư do Triệu Đà gửi cho Hán Văn đế vào khoảng năm 179 t.dl., chép trong “Sử kí” của Tư Mã Thiên, xác nhận vào thời điểm đó nước ta vẫn có vua, chúng ta truy tìm tiếp do đâu mà triều đại An Dương vương xuất hiện trong lịch sử nước ta và phát hiện một lần nữa truyền thuyết An Dương vương là một dị bản của trận đánh quyết định trong anh hùng ca “Mahabharata” giữa hai anh em Pandu (Phán) và Duryodhana” (21).

Và từ đó, ông phủ nhận hẳn triều đại An Dương vương cùng các sự kiện lịch sử gắn liền với My Châu - Trọng Thủy. Nói rõ hơn, Triệu Đà chưa hề xâm chiếm nước ta. Do đó, ông khẳng định:

“... triều đại Hùng vương không phải do Thục Phán tiêu diệt vào năm 257 t.dl., như “Đại Việt sử kí toàn thư” và “Khâm định Việt sử thông giám cương mục” đã có [ghi nhận], mà vẫn tồn tại cho đến năm 43 s.dl. với Hai Bà Trưng là những vị vua cuối cùng” (22).

Theo đó, thiển sư, GSTS. Lê Mạnh Thát tiếp tục kết luận về thành Cổ Loa:

“Ngôi thành này được kết liền với An Dương vương. Bây giờ, nếu An Dương vương là một phiên bản Việt Nam của nhân vật Duryodhana trong “Mahābhārata”, vấn đề đặt ra là ta phải xử lí làm sao về mối quan hệ của An Dương vương với ngôi thành đó?... [...] Vậy, việc kết nối An Dương vương với thành Cổ Loa trong truyền thuyết không nhất thiết là một sự thật lịch sử, dù sau “Lĩnh Nam trích quái”, một kết nối như thế đã được Ngô Sĩ Liên đưa vào “Đại Việt sử kí toàn thư” và khoác cho nó một bộ áo lịch sử chính thức” (23).

Ông còn viết khá rõ, thành Cổ Loa ấy, có thể, nếu không khẳng định dứt khoát, là do Mã Viện xây đắp, với tên gọi là Thành Kén (Kiển thành). Để làm rõ ý này, ông trích dẫn “Đại Việt sử kí toàn thư”: *“Viện lại đắp thành Kiển Giang ở Phong Khê, thành ấy tròn như cái kén, nên lấy làm tên”. Ông viết: “Thành Kén này có khả năng là thành “chín vòng”, mà “Nam Việt chí” nói tới, và thành Cổ Loa về sau, vì cả thành Cổ Loa lẫn thành Kén đều nằm ở Phong Khê. Cần nhắc lại, Phong Khê là do Mã Viện thành lập cùng Vọng Hải do tách từ Tây Vu. Thành Cổ Loa do thế không nhất thiết phải gắn liền với tên An Dương vương” (24).*

Đề đi đến những kết luận ấy, hầu như ở phần tổng kết, thiển sư, GSTS. Lê Mạnh Thát cũng đã tổng kết luôn cả quy trình truy nguyên vấn đề của ông. Như đã nói, ông đã căn cứ vào “Đại Việt sử lược”, kể cả “Toàn thư”, “Cương mục” và “Lĩnh

Nam chích quái”, “Việt điện u linh tập” để khơi vấn đề; sau đó ông truy nguyên sự sai lầm của các bộ sách, bộ sử ấy là do những tư liệu liên quan của Trung Hoa, ngoại trừ “Sử kí” và “Tiền Hán thư”. Ông viết:

“... trong bốn tư liệu Trung Quốc xưa nhất, “Giao Châu ngoại vực kí”, “Quảng Châu kí”, “Nam Việt chí” và “Nhật Nam truyện”, thì chỉ “Quảng Châu kí” nói An Dương vương đóng đô ở Phong Khê, còn “Nam Việt chí” nói đóng ở Giao Chỉ và tả “thành có chín vòng”, mà không đề cập gì tới tên đó. Nó chỉ nói An Dương vương đóng đô ở Việt Thường. Tên Cổ Loa, như vậy, được Ngô Sĩ Liên lấy từ truyền thuyết của “Lĩnh Nam trích quái” để đưa vào “Đại Việt sử kí toàn thư” (25).

Nhưng không chỉ đối với thành Cổ Loa. Các công đoạn khảo sát 4 tư liệu có đề cập đến An Dương vương, My Châu, Trọng Thủy (và tất nhiên cả Triệu Đà), cũng như các tư liệu có dẫn lại 4 tư liệu ấy như “Thủy kinh chú”, “Thái bình hoàn vũ kí”, “Thái bình quảng kí”, “Loại thuyết”, thiền sư, GSTS. Lê Mạnh Thát đã thực hiện một cách rất tỉ mỉ và rất công phu, tập trung trong chương II của cuốn sách, từ trang 77 đến trang 138, là nhằm chứng minh *triều đại có quá nhiều vấn đề ấy* (chữ dùng của ông) là không có thực, và phần dã sử, chính sử về “kỉ Nhà Thục” chỉ là phiên bản của sử thi Ấn Độ “Mahabharata”. Thậm chí, đối với “Tiền Hán thư”, bộ sách ông dựa hẳn vào đây (cũng như dựa hẳn vào “Sử kí”), ông cũng làm rõ hai chữ “dịch thuộc”, xem nó gần như đồng nghĩa với từ “đồng minh” trong Thế chiến II (1939-1945), để khẳng định triều đại Hùng vương, chứ không phải An Dương vương, nhân vật hư cấu, mới “*đạt những quan hệ ngoại giao và đồng minh với Nam Việt, trong khi Triệu Đà của Nam Việt đang lo chống cự với nhà Hán ở phương Bắc. Nó [Tây Âu Lạc – ct.] như vậy đang có vua chúa và triều đình [Hùng vương – ct.] của nó*” (26).

Nếu kể thêm một phần khá dài truy nguyên nguồn gốc của chi tiết “An Dương vương cõi con tê sống vẫn vào nước chảy, nước vì thế rẽ ra” (27), một chi tiết hầu hết các sách sử nước ta và “Nam Việt chí” của Trung Hoa đều có đề cập đến, một chi tiết thiền sư, GSTS. Lê Mạnh Thát xem thuộc loại máu chốt nhất trong lập luận của ông, chúng ta có thể nói, các công đoạn truy nguyên, phản chứng đã được thiền sư, GSTS. Lê Mạnh Thát thực hiện đầy đủ. Để rồi, sau đó, ông trích dẫn nguyên tác “Mahabharata” cũng như dịch ra tiếng Việt các đoạn trích từ bộ sử thi Ấn Độ ấy, nhằm thực hiện thao tác cuối: phiên bản “Mahabharata” tại nước Âu Lạc (Việt Nam) cổ đại.

Cũng như ở đoạn trên (về huyền thoại “Trăm trứng”), ở đây, tôi sẽ trích dẫn lại từ cuốn sách “‘Lục độ tập kinh’ và lịch sử khởi nguyên của dân tộc ta” của thiền sư, GSTS. Lê Mạnh Thát những đoạn “Mahabharata” ấy. Qua đó, chúng ta sẽ tự rút ra kết luận, tự trả lời câu hỏi mà nhiều nhà sử học tên tuổi ở nước ta đã trả lời trên báo chí trong vài tuần lễ vừa qua: “Liệu khẳng quyết của thiền sư, GSTS. Lê Mạnh Thát có sức thuyết phục hay không?”.

Trước hết, có lẽ cũng rất cần thiết phải lưu ý một vài đoạn thiên sư, GSTS. Lê Mạnh Thát đã khảo cứu về chi tiết “*sùng tê bảy tấc - rẽ nước*”. Theo ông, người ta có thể tìm thấy chi tiết ấy trong “*Bảo phác tử*” của đạo sĩ Cát Hồng. Nhưng Cát Hồng viết “*Bảo phác tử*” trong khoảng thời điểm 325 s.cn., nhuận sắc đến năm 345 thì xong (28). Vậy chi tiết ấy phải có trước đó nữa. Do đó, ông truy nguyên vào “*Hậu Hán thư*” để tìm thấy sự kiện vua An Đôn (Marcus Aurelius Antonius) nước Đại Tần (La Mã) cử sứ giả tới Trung Hoa qua đường nước ta vào năm 166 s.dl. (chứng cứ còn lại là những đồng tiền La Mã được tìm thấy tại Óc Eo) (29).

“Việc chúng tôi dài dòng truy nguyên một số đạo thuật do [Cát] Hồng liệt ra, nhằm cho thấy, những thuật khác của Tiên đạo sẽ chịu ảnh hưởng ngoại lai như thế nào. Trong số những thuật ấy, thuật “*ngậm sùng tê dài ba tấc khắc hình con cá, để vào nước, cho nước rẽ ra*”, dĩ nhiên có một liên lạc đến vấn đề An Dương vương... [...] Câu hỏi bây giờ là, thế thì phải chăng nó là một nhập cảng ngoại quốc?” (30). Tất nhiên câu hỏi ấy đã được thiên sư, GSTS. Lê Mạnh Thát trả lời bằng một loạt cứ liệu để khẳng định nguồn gốc ngoại lai của thuật ấy (31): “Mahabharata”.

Dưới đây là những đoạn “Mahabharata” bằng tiếng Phạn (Sanskrit), do thiên sư., GSTS. Lê Mạnh Thát trích dịch:

-●- “Mahabharata” 9.29.1-26:

“Sau khi vợ con của những sát đế lị quảng đại đã trốn chạy và trại quân trở thành trống rỗng, ba xa kỵ ấy cảm thấy rùng mình, xao xuyến... [...] Nhưng dẫu cố tìm, họ vẫn không tìm thấy đáng nhân quân. Với kiếm chùy trong tay, đáng ấy đã nhanh bỏ chiến trường và đi vào một cái hồ, sau khi làm cho nước rẽ ra nhờ vào huyền thuật của mình... [...] Lúc đã tới gần hồ, trong đấy đáng nhân quân nằm nghỉ, họ nói với vị vua vô địch đang nằm ngủ trong nước rằng: *Hỡi đại vương, hãy đứng lên và cùng chúng tôi đánh tên Yu dhi sơ thi ra...*”. Cả một số thợ săn cũng thấy sự thể ấy, và chúng đang bàn với nhau để tìm cách tố giác nhằm kiếm tiền thưởng. Chúng nói: “*Ta sẽ điếm chỉ Du ryo dha na thì bọn Pan du tất hậu thưởng, vì quá rõ ràng là, vị vua Du ryo dha na nổi tiếng nằm trong hồ ấy. Vậy, tất cả bọn ta hãy đến chỗ vua Yu dhi sơ thi ra mà mách cho ngài, tên Du ryo dha na ác nghiệt đang lẫn giấu trong nước hồ...*” (32).

Thiên sư, GSTS. Lê Mạnh Thát căn cứ vào đây để viết, mặc dù ông biết, theo truyền thuyết An Dương vương của Việt Nam chúng ta thì Thục Phán (Pan du [?]) mới cầm sùng tê, rẽ nước và đi xuống biển, chứ không phải Triệu Đà (giả thiết là Du ryo dha na): “*Việc Duryodhana có thể làm cho nước rẽ ra để ông đi vào này đương nhiên ám chỉ một cách khá chắc chắn nguồn gốc đi vào nước của An Dương vương*”, “*nó tối thiểu đã cho ta thấy một cách mừng tượng nguyên lai của chuyện đi trốn và làm cho nước rẽ ra của An Dương vương*” (33).

-●- “Mahabharata” 5.7.1-20:

“Khi Kṛit sṛ na và Hắc Thiên họ Cam đã trở về thăm Đô Lỗ cùng với tất cả những người Vợ rit sṛ ny, An dha ka và Bô ja rồi, vị vua do Bảo Kiên sinh gọi ra hàng trăm gián điệp nên biết hết mọi động tĩnh của những người con Pan du” (34).

Có lẽ chi tiết “hàng trăm gián điệp” này khiến thiên sư của chúng ta liên tưởng đến mưu kế gián điệp của Triệu Đà trong việc cho con trai là Trọng Thủy kết hôn với con gái An Dương vương là My Châu để đánh tráo cái lầy Nỏ Thần.

Cũng từ đoạn trích khá dài ấy (“Mahabharata” 5.7.1-20), thiên sư, GSTS. Lê Mạnh Thát còn liên hệ Kṛsna với Cao Lỗ: *“Như Kṛsna, Lỗ đã làm một số việc lợi ích cho An Dương vương. Nhưng như An Dương vương không thể giữ Cao Lỗ, Duryodhana, mặc dù có hết quân đội của Kṛsna, đã phải mất Kṛsna. Mất Kṛsna, nên Duryodhana đã bị đánh bại, mà phải trốn vào hồ nước, làm hồ nước rã ra. Mất Cao Lỗ, An Dương vương bị Triệu Đà đánh bại, “phải ngậm sừng tê sống vào nước”, nước vì thế tự rã ra” (35).* Thiên sư cho rằng, cái tên “Cao Lỗ” (hay Đô Lỗ, Thạch thần) “chắc hẳn là một phiên âm hai ngữ phạm đầu của “Kṛsna” của người nước ta” (35).

Việc diễn giải cách phiên âm từ ngữ tiếng Phạn của người Việt nước ta cũng là một thao tác mà thiên sư, GSTS. Lê Mạnh Thát đã thực hiện, nhằm chứng minh “truyền thuyết An Dương vương” chỉ là phiên bản của “Mahabharata”. Ông đưa ví dụ: địa danh Phan Rang là từ phiên âm của Panduranga: Pan(du)rang(a). *“Cái tên Phán của con vua Thục do vậy chắc chắn đã phải là phiên âm chữ Pandu, tên người cha của Yudhisthira, kẻ đã đánh bại và tàn sát 18 đạo quân” (36).*

Trước thao tác thứ 3 này, thiên sư, GSTS. Lê Mạnh Thát còn đặt mối liên hệ về con số 18: *“Thời gian của cuộc chiến tranh Duryodhana như vậy kéo dài đúng 18 ngày, như con số 18 đạo quân lâm trận của cả hai bên. Chi tiết 18 đạo quân và 18 ngày đánh ấy có một quan hệ trực tiếp và đầy ý nghĩa với truyền thuyết An Dương vương, bởi vì tối thiểu là từ thời “Đại Việt sử lược” trở đi, người ta bảo rằng, triều đại Hùng vương của nước ta truyền cho nhau 18 đời và đến đời Hùng vương 18 thì bị An Dương vương đánh bại. Con số 18 đời ấy, như Ngô Sĩ Liên đã nhận xét “sợ chưa chắc là thế”, bởi vì nó quá ít ỏi khi so với thời gian phải bao trùm. Bây giờ, nếu việc nối kết truyền thuyết An Dương vương với anh hùng ca “Đại Bha ra ta” trên của chúng tôi được chấp nhận, chúng ta tất có thể thấy một cách dễ dàng nó đã đến từ đâu” (37).* Thiên sư cũng lí giải rõ, đó không phải là mối liên hệ trực tiếp – nguyên xi mà gián tiếp – khúc xạ.

Bằng vào những luận cứ và luận giải ấy, thiên sư, GSTS. Lê Mạnh Thát đã kết luận như chúng ta đã biết:

“Nếu những liên hệ vừa nói là đúng, nó tất quá rõ ràng là, truyền thuyết lịch sử dân tộc ta từ An Dương vương trở xuống cho tới khi Triệu Đà lập quốc không gì hơn là một phụ hội của anh hùng ca “Đại Bha ra ta”. ... [...] Họ chỉ là những nhân vật lịch sử được mượn cho việc diễn lại bản anh hùng ca “Đại Bha ra ta” tại Việt Nam, không hơn, không kém. Vì vậy, dù là những nhân vật lịch sử thật như trường hợp Triệu Đà, họ đã [bị / được] bi kịch hoá và huyền thoại hoá cho việc diễn ra tấn anh hùng ca đó” (38).

Ở đây, phải chăng ông còn muốn nói thêm, cho dầu tất cả những nhân vật trong truyền thuyết An Dương vương đều là nhân vật lịch sử có thật, thì họ cũng đã được Mahabharata-hoá?

Trên cơ sở những trích đoạn và luận giải đó, chúng ta thử đối chiếu trực tiếp với văn bản “Truyền thuyết An Dương vương” (truyện Rùa Vàng hay truyện Kim Quy). Truyền thuyết này, cũng có nhiều nhà soạn sách lại tách ra thành hai truyện, truyện thứ hai là “My Châu - Trọng Thủy”.

Truyện KIM QUY

(truyện An Dương vương - My Châu - Trọng Thủy)

“An Dương Vương nước Âu Lạc là người ở Ba Thục, họ Thục, tên Phán, nhân việc tiên tổ cầu hôn với con gái của Hùng Vương tên là My Nương không được nên sinh ra hăm oán. Phán muốn hoàn thành ý chí của tổ tiên nên cử binh đánh Hùng Vương, diệt nước Văn Lang, cải hiệu là Âu Lạc mà ở, đắp thành ở đất Việt Thường. Thành đắp xong lại sập. Vương mới lập đàn, trai giới cầu đảo ba tháng.

Ngày mùng bảy tháng ba bỗng thấy một ông già theo phương tây mà đến thẳng cửa thành, vừa đi vừa than rằng:

- Xây đắp thành này thì bao giờ cho xong!

Vương rước vào trên điện, lạy và khóc rằng:

- Ta đắp thành này đã xong lại đổ, hao tổn công sức mà rồi không thành là tại làm sao?

Ông già thưa:

- Ngày nào có sứ giả Thanh Giang cùng đắp với Vương thì thành ấy mới xong.

Nói đoạn cáo từ.

Rạng ngày, Vương đứng ở cửa Đông trông ra thì thấy một con rùa vàng theo hướng đông mà bơi lại; rùa đứng trên mặt nước, nói được tiếng người, tự xưng là Thanh Giang sứ giả, biết rõ lẽ trời đất, âm dương, quỷ thần.

Wương mừng hỏi rằng:

- Điều đó ông già đã báo cho ta rồi.

Bèn sai lấy kim dư rước vào trong thành, mời ngồi trên điện, hỏi vì có gì mà thành không đắp được.

Kim Quy nói:

- Ở đây có tinh khí núi sông, con Tiên vương phụ vào để báo thù nước, lại có con gà trắng sống ngàn năm hóa làm yêu tinh ẩn ở núi Thất Diệu, trên núi có con quỷ, nguyên trước là một nhạc công chôn cất ở đây hóa ra quỷ. Ở bên có một cái quán để cho hành khách qua lại ngủ nhờ; chủ quán tên là Ngộ Không, có một đứa con gái và một con gà trắng là dư khí của quỷ thần. Hễ có người khách nào qua lại đến đây ngủ nhờ thì quỷ tinh hóa ra thiên hình vạn trạng mà giết hại rất nhiều. Bây giờ ta nên bắt con gà trắng và đứa con gái của chủ quán mà giết đi thì tinh quái sẽ hết. Nhưng chắc là nó lại hóa ra yêu thư, sai chim cú ngậm thư bay lên trên cây chiên đàn, tâu với Thượng Đế để xin phá thành ấy đi. Thân này xin cần cho rơi cái thư ấy xuống, Vương lập tức thu lấy; tất nhiên thành đắp mới xong.

Kim Quy bảo Vương giả làm khách đi đường xin ngủ nhờ trong quán. Vương để Kim Quy ở trên ngưỡng cửa.

Ngộ Không nói:

- Quán này có yêu tinh, đêm thường giết người, lang quân không nên ở lại, vả nay trời cũng chưa tối, nên đi mau đến chỗ khác để tránh họa.

Wương cười rằng:

- Sinh tử tại mệnh, quỷ mỵ mà làm gì, ta không sợ.

Mới ngủ lại đó.

Trong đêm có quỷ tinh đến ngoài kêu rằng:

- Ai ở trong nhà này phải mở cửa ra mau.

Kim Quy mắng rằng:

- Cửa đóng thì mày làm gì nào?

Quý tinh phóng hỏa lan ra vạn trạng, quý dị đủ phương để khủng bố nhưng rốt cuộc cũng chẳng vào được nhà.

Đến lúc gà gáy, các quý đều chạy tan, Kim Quy khiến Vương đuổi theo đến núi Thất Diệu, quý tinh thu về hết cả, Vương trở lại quán trọ.

Sáng ngày, chủ quán đem người đồng đến để chôn thi thể của khách ngủ lại hôm qua, thấy Vương ngồi đó, nói cười như không có gì cả. Quán chủ bước đến, vái lạy rằng:

- Lang quân được như thế tức là Thánh nhân rồi, xin ban linh thuật để cứu sinh linh.

Vương bảo:

- Hãy giết con gà trắng của mày mà tế thì quý thân tan hết.

Ngộ Không giết con gà trắng thì đưa con gái tự nhiên cũng nhào xuống chết. Vương lập tức bảo người đào núi Thất Diệu, được một nhạc khí đời cổ và một hài cốt, sai đốt trộn thành tro mà quăng ra sông.

Lúc bấy giờ trời đã gần chiều, Vương cùng Kim Quy leo lên núi Việt Thường, quý tinh đã hóa ra chim si hươu ngậm thư bay lên cây chiên đàn.

Kim Quy bèn hóa ra một con chuột mà bò theo sau lưng cắn chân chim; thư rơi xuống đất; Vương lập tức thu lấy thì sâu đã ăn hết hơn một nửa rồi.

Từ đó, quý tinh tan hết, không lại phá phách như xưa nữa.

An Dương Vương đắp thành nửa tháng đã xong; thành dài và rộng nghìn trượng, xoay tròn như hình con ốc, lại đặt tên là thành Thăng Long (bản của Despierres ghi là Tư Long). Người nhà Đường gọi là thành Sát Quỷ Lôn bởi vì thành rất cao lớn.

Kim Quy ở lại với Vương ba năm rồi từ về. Vương bảo rằng:

- Nhờ ơn của người, thành đã vững chắc, nếu như có việc ngoài thì lấy gì mà chống giữ?

Kim Quy thưa:

- Quốc độ tu đoản, xã tắc an nguy là vận của trời, nhưng người biết tu đức thì có thể lâu dài được, Vương đã có lòng ước nguyện thì tôi đâu dám tiếc.

Mới cởi cái móng chân đưa cho Vương và nói:

- Thằng hoặc giặc có đến thì dùng móng này làm máy nổ, đem ra mà đánh giặc thì không có gì đáng lo.

Nói đoạn trở về Đông Hải.

Vương khiến bầy tôi là Cao Lỗ làm nổ, lấy móng này làm máy, hiệu là Linh Quang Kim Trảo Thần Nổ. Sau Triệu Đà đem quân đến xâm lăng, cùng Vương giao chiến, Vương dùng thần nổ mà bắn, quân Triệu Đà thua chạy, đóng đồn ở núi Trâu Sơn, đối lũy với Vương. Triệu Đà biết Vương có nổ thần nên không dám tái chiến mới khiến sứ thỉnh hòa. Vương mừng, cắt từ sông Tiểu Giang (nay là sông Nguyệt Đức) trở về phương Bắc cho Triệu Đà cai trị, trở về phương Nam thì do Vương cai trị.

Chưa được bao lâu, Đà sai con vào túc vệ cầu hôn với con gái Vương là My Châu. Vương bất ý không ngờ gian kế của cha con Triệu Đà. Trọng Thủy dỗ My Châu trộm lấy nổ thần cho xem, rồi lên làm nổ khác đổi lấy vuốt rùa giấu đi, nói dối với My Châu là trở về Bắc thăm cha mẹ.

Nhân đó nói rằng:

- Tình phu phụ thì không nở quên, mà ơn phụ tử cũng không nên bỏ, ta nay về thăm cha mẹ mà vận nhất hai nước thất hòa, Nam Bắc cách biệt, ta trở lại tìm nàng thì nàng lấy vật gì mà làm dấu cho ta biết.

My Châu nói:

- Thiếp là nhi nữ gặp phải bước phân ly thực khó thắng được tình cảm. Thiếp có chiếc nệm gấm lông ngỗng thường mang trên người, đến lúc ấy thì thiếp lấy lông ngỗng mà rải ở các ngã ba để chỉ cho chàng biết chỗ thiếp mà đến cứu.

Trọng Thủy từ tạ, cấp nổ mà về báo cáo với Triệu Đà. Đà được nổ rất mừng liền phát binh đánh Vương. Vương không lo phòng bị, mãi đánh cờ vây, cười rằng:

- Đà không sợ nổ thần của ta sao?

Đến lúc quân Triệu Đà tiến bức, Vương mới xách nổ ra bắn thì thân cơ đã mất; quân chạy tán loạn.

Vương chở My Châu lên ngựa chạy về hướng Nam, đến bờ biển, cùng đường, không có thuyền để sang ngang, Vương hét lớn lên rằng:

- Trời để mất ta hay sao? Giang sứ đâu, mau đến cứu ta.

Kim Quy nổi lên trên mặt nước, mắng rằng:

- Người cỡi ngựa ở sau lưng là giặc đó. Hãy giết nó ta mới cứu.

Vương bèn tuốt gươm chém My Châu.

My Châu ngựa mất lên trời mà cầu xin:

- Thiếp là con gái, nếu có lòng phản nghịch mưu hại đến phụ thân thời chết hóa thành bụi trần, bằng như một niềm trung tín, bị người phỉnh phờ thời hóa làm ngọc châu để rửa cái thù nhục nhã này.

My Châu chết ở bờ biển, máu chảy trên nước, hào hén ăn vào lòng hóa thành minh châu.

Vương cầm sừng văn tê bảy tấc, Kim Quy rẽ nước dẫn Vương vào biển. Đồi truyền là núi Mộ Dạ, làng Cao Xá, châu Diên, tức là chỗ đó vậy.

Quân Triệu Đà đến chỗ ấy không thấy gì hết, chỉ thấy tử thi của My Châu. Trọng Thủy ôm thây nàng mà về chôn ở Loa Thành, hóa làm ngọc thạch. Trọng Thủy thương cảm vô cùng; thấy lại những chỗ trang điểm hay tắm gội của My Châu, tưởng nhớ đến hình dung của nàng, bèn nhảy xuống giếng mà chết. Sau này, ai được ngọc châu ở Đông Hải, cày múc nước giếng ấy mà rửa thì sắc ngọc càng thêm rực rỡ. Nhân tránh tên My Châu nên gọi ngọc châu là Đại Cưu, Tiểu Cưu vậy” (39).

Điều cần nhấn mạnh, tuy dễ nhận ra nhất: Nếu đối với “*Huyền thoại Lạc Long Quân – Âu Cơ và trăm trứng*”, chi tiết mẫu đề (motif) cốt lõi là *trăm trứng*, thì đối với “*Truyện thuyết An Dương vương*”, chi tiết mẫu đề cốt lõi, vẫn theo thiên sư, GSTS. Lê Mạnh Thát, ấy là “*sừng tê bảy tấc - rẽ nước*”. Tôi cũng cho đây là chi tiết mẫu đề trong giao lưu văn hoá – tôn giáo; việc có chung mẫu đề là hiện tượng thường thấy trên khắp mọi khu vực văn hoá trên thế giới, từ xưa đến nay, đặc biệt được thấy rõ nhất là trong văn học, sử học cổ đại, trung đại. Khi nói thế, chúng ta cũng có thể loại trừ trường hợp trùng hợp ngẫu nhiên. Khác với trùng hợp ngẫu nhiên vốn là hiện tượng đơn lẻ, hiếm hoi, sử dụng mẫu đề một cách cố ý hay vô thức lại là một hiện tượng phổ biến, nhưng chỉ phổ biến trong thời cổ - trung đại mà thôi. Nếu trong văn học hiện đại có sử dụng mẫu đề, thì thường là mẫu đề có

tính cổ truyền (như *thuyền – bến, hoa sen – bùn...*). Trong sử học thuần chất ngày nay, người làm sử không còn dùng các thủ pháp văn chương để biểu đạt.

Thêm một điều nữa, nếu so sánh, ai cũng thấy chi tiết *trăm trứng* là hết sức quan trọng, đích thực là cốt lõi, vì bản thân nó chứa đựng chủ đề tư tưởng chính của “*Huyền thoại Lạc Long Quân – Âu Cơ và trăm trứng*” (*trăm trứng = đồng bào = đoàn kết*), nhưng chi tiết “*sừng tê bầy tấc - rẽ nước*” trong “*Truyền thuyết An Dương vương*” chỉ là chi tiết phụ thuộc, không phải là cốt lõi, nên thiếu nó thì truyền thuyết này vẫn không trống rỗng tư tưởng chủ đề hoặc sai lệch chủ đề. Theo tôi, chi tiết cốt lõi là một cụm tình tiết và cụm ấy phải là “*móng rùa - cái lẫy nở thân - hạt bụi - ngọc sáng*”, mà không phải là “*sừng tê bầy tấc - rẽ nước*”, bởi vì cái chết của một người đứng đầu một đất nước như An Dương vương là cái giá phải trả, trong khi đó, sự nhẹ dạ, cả tin của My Châu đáng để tha thứ hơn, sau khi đã chết bằng một cái chết thảm khốc nhất (có cái chết nào đau đớn hơn trên đời này cho bằng cái chết bởi chính thanh gươm của người cha rất mực thương yêu, cái chết với bản án phản bội Tổ quốc!). Nói cách khác, An Dương vương không xứng đáng để nhân dân huyền thoại hoá cái chết tự vận của ông ta, đến mức xem như ông vẫn mãi còn sống trong lòng biển cả mênh mông, bao dung nào đó. Vì thế, san tước bớt chi tiết “*sừng tê bầy tấc - rẽ nước*”, có khi lại khiến tư tưởng chủ đề đạt được giá trị cao hơn. Nhưng chúng ta không có quyền san tước tư liệu lịch sử, cho dù đó chỉ là truyền thuyết truyền miệng đã được định hình thành văn bản cố định (40).

Một điểm khác, theo tôi, “*Huyền thoại Lạc Long Quân – Âu Cơ và trăm trứng*” và “*Truyền thuyết An Dương vương*” luôn luôn phải đi liền với nhau. Một là khởi đầu và một là kết thúc thời kì Hùng Vương – Văn Lang. Đó là một lẽ. Lẽ khác, quan trọng hơn, cả hai sẽ bổ cứu cho nhau. Thiếu một trong hai sẽ dẫn đến những nguy cơ về tư tưởng...

5

Cuốn sách còn có hai chương “*Thần Nông và triều đại Hùng Vương*” (chương III) và “*Vấn đề tiếng Việt thời Hùng Vương*” (chương IV) cùng với phần tư liệu phụ lục, nhận định về tư liệu phụ lục ấy.

Trong hai chương ấy, thiên sư, GSTS. Lê Mạnh Thát đã chứng minh “*Việt luật*” là có thật, mặc dù bị thất truyền, để khẳng định có chữ viết riêng của dân tộc ta dưới triều đại Hùng Vương, một triều đại kéo dài hơn hai ngàn năm và cả dân tộc Việt tự thân đã phát triển đến mức đáng kể, không cần đến sự giáo hoá mị dân của thực dân phong kiến Trung Hoa cổ đại; đặc biệt, ông vận dụng kiến thức ngữ âm học lịch sử để giải mã bài “*Việt ca*”, cũng nhằm chứng minh thêm về vấn đề chữ viết Văn Lang (Việt Nam). Nếu không có kiến thức ngữ âm học lịch sử, ngôn ngữ

học đối chiếu, chúng ta sẽ ngỡ rằng công việc giải mã ngữ âm là một sự suy diễn tùy tiện, buồn cười, áp đặt. Thực ra, đây là một lĩnh vực không dễ chút nào.

Nhờ có thể mạnh là am hiểu sâu rộng về cổ ngữ Hán, và nắm vững ngữ âm học lịch sử, có lẽ thiền sư, GSTS. Lê Mạnh Thát đã đưa ra một vấn đề có sức mời gọi những nhà ngữ âm học Việt Nam và ngoại quốc tham cứu.

Về phần tư liệu phụ lục, thấy ngay là thiền sư, GSTS. Lê Mạnh Thát chỉ trích dịch hai bộ sử Trung Hoa mà ông đánh giá là khả tín nhất, để bổ cứu cho “*Toàn thư*” và “*Cương mục*” về phần huyền sử (một thời kì lung linh, mơ hồ!). Đó là “*Hậu Hán thư*” và “*Sử kí - Tư Mã Thiên*”.

Với chủ đích đã đặt ra, đây chỉ là một bài thuộc thể “thông tin – tư liệu”, tóm lược lại cuốn sách “‘*Lục độ tập kinh*’ và *lịch sử khởi nguyên của dân tộc ta*” của thiền sư, GSTS. Lê Mạnh Thát, chủ yếu tập trung vào hai chương dễ gây tranh cãi nhất (chương I và chương II), đặc biệt chú trọng đến tư liệu gốc được ông trích dịch và trưng dẫn trong đó, đồng thời bài này cũng tập hợp thêm những tư liệu gốc khác để đối chiếu. Vì vậy, tôi không bình luận gì thêm. Những bình luận, tôi sẽ dành cho việc nâng cao bài viết này.

Những vấn đề thiền sư, GSTS. Lê Mạnh Thát đặt ra, hiện đang gây chấn động, tạo nên những cuộc tranh luận khoa học rất bổ ích. Nhưng dấu sao đi nữa, chỉ với việc phát hiện, trích và dịch hàng loạt văn bản trong thư tịch cổ từ nhiều nguồn ngôn ngữ khác nhau (Sanskrit, Tạng, Hán...) có chứa đựng mẫu đề (motif) “*trùng - trùng hạc - trùng rồng - bọc thịt - trăm trứng - trăm con trai*” hay “*sùng tê - rẽ nước*” đã là một đóng góp rất lớn của thiền sư, GSTS. Lê Mạnh Thát đối với việc nghiên cứu cổ sử và văn học dân gian cổ đại nước ta. Thử hỏi, trong giới nghiên cứu văn học, sử học ở Việt Nam ta và trong các nhà Việt Nam học ngoại quốc, cho đến nay, đã có ai làm được việc đó!...

Khởi viết từ khoảng 13 giờ chiều 28-03 HB8 (2008)
Tạm hoàn tất lúc 17 : 39', 31-03 HB8

Trần Xuân An

(1) Lê Mạnh Thát, “‘*Lục độ tập kinh*’ và *lịch sử khởi nguyên của dân tộc ta*”, Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam và Nxb. Tổng hợp TP.HCM., PL. 2549 (2005).

(2) Nhiều tác giả, “*Những vấn đề lịch sử Việt nam*”, bài của Stephen O’Harrow, Tạp chí Xưa & Nay - Nxb. Trẻ, 2002, tr. 7.

(3) Lê Mạnh Thát, “*Lịch sử Phật giáo Việt Nam*” (I, II, III), Nxb. TP.HCM., 2006.

- (4) Lê Mạnh Thát, “*Tổng tập văn học Phật giáo*” (I, II, III). Có thể đọc ở Website quangduc.com.
- (5) Lê Mạnh Thát, sđd. (chú thích 1), tr. 5.
- (6) Khởi động bởi Hoàng Hải Vân, báo Thanh Niên, từ ngày 26-02 đến 06-03-2008. Ngoài ra còn có bài phỏng vấn GS. Phan Huy Lê, bài phát biểu ý kiến của nhà thơ, nguyên uỷ viên Bộ Chính trị Nguyễn Khoa Điềm (Bùi Ngọc Long ghi) và các bài viết của nhiều nhà báo, nhà nghiên cứu khác trên tờ báo này và ở các báo khác: Sài Gòn giải phóng, Hà Nội mới, Tạp chí điện tử BBC-Vietnamese...
- (7) Trần Xuân An, “*Suy nghĩ về một số vấn đề trong lịch sử cổ đại nước ta*” (2004), Tạp chí điện tử Giao Điểm, 2005.
Xem: WebTgTXA. (http://tranxuanan.writer.googlepages.com/suy_nvmsvdtlscdnta_b6.htm)
- (8) Mahābhārata (sử thi Ấn Độ). Theo HĐQG.CĐBS.TĐBK.VN., Từ điển bách khoa Việt Nam, tập 2, Nxb. TĐBK., 2002, tr. 821: “*Được biên soạn vào thế 5 tr.cn., có bổ sung và sửa đổi cho tới thế kỉ 5 s.cn. Theo truyền thuyết, tác giả là đạo sĩ Vyasa (Vyāsa). Nguyên bản lúc đầu gần 24 nghìn câu thơ đôi, sau tăng lên 6 triệu. Hiện nay chỉ sưu tầm được 110 nghìn câu*”.
- (9) Lê Mạnh Thát trích dẫn, sđd. (chú thích 1), tr. 50-72, 243.
- (10) Lê Mạnh Thát trích dẫn, sđd. (chú thích 1), tr. 63-64, 67.
- (11) Lê Mạnh Thát trích dẫn, sđd. (chú thích 1), sđd., tr. 54-55.
- (12) Lê Mạnh Thát trích dẫn, sđd. (chú thích 1), sđd., tr. 47.
- (13) Lê Mạnh Thát trích dẫn, sđd. (chú thích 1), sđd., tr. 48-49.
- (14) Lê Mạnh Thát trích dẫn, sđd. (chú thích 1), sđd., tr. 41-42.
- (15) Lê Mạnh Thát trích dẫn, sđd. (chú thích 1), tr. 18-21. Riêng truyện 23 trong “*Lục độ tập kinh*” này, tôi lấy bản vi tính từ website Quảng Đức:
<http://www.quangduc.com/lichsu/14vanhocpgvn13.html>.
- (16) Bản vi tính “*Truyện họ Hồng Bàng*” của Website Phật tử Việt Nam:
<http://www.phattuvietnam.org>.

Xem thêm: Truyền thuyết “*Ngu Cơ – Lương Wong*” của dân Mường trong cuốn “*Les Muong*” của Jeanne Cuisinier (1946 – Géographie humaine et sociologie, Institut d’Ethnologie, Paris):

“*Ngày xưa ngày xưa, có một nàng công chúa xứ Mường tên là Ngu Cơ, mang tiền kiếp một con nai có đốm ngôi sao (cerf étoilé), cưới một ông hoàng tử con vua Yật tên Lương Wong, gốc vốn loài cá. Ít lâu sau, Ngu Cơ sinh được 50 con gái và 50 con trai. Nhưng rồi cơn không lành canh chẳng ngọt. Từ ở chỗ con cái không đủ đồ ăn thức uống, Ngu Cơ và Lương Wong ứa cãi vã với nhau. Cuối cùng, Ngu Cơ và Lương Wong đành phải chia tay, mỗi người một ngả. Ngu Cơ dẫn 50 người con lên miền rừng núi, và Lương Wong dẫn 50 người con kia xuôi về miền sông biển. Ngu Cơ và đám con tạo nên những dòng vua chúa mặc áo màu đen, và Lương Wong, các gia đình vua mặc áo màu vàng.*”

Dân Mường thờ kính bà Ngu Cơ như mẫu tổ và thường làm cờ có hình con nai đốm sao, như một vật tổ để tưởng nhớ đến bà”.

(Nguồn: <http://www.khoahoc.net>, dẫn theo Web Việt Học: viethoc.org).

Nhân đây, cũng nên đọc thêm “*Truyện Liễu Nghị*” của Lý Triều Uy (từ “*Thái Bình Quảng kí*” - đời Tống, thuộc những thế kỉ về sau rất xa) mà Ngô Sĩ Liên trong “*Toàn thư*” đã xem như một cứ liệu tham khảo để xác minh quan hệ nối đời giữa chúa Động Đình và chúa Kinh Xuyên: “*Vậy thì Động Đình cùng với Kinh Xuyên đời đời gả con cho nhau, kể từ lâu...*” và có thể ngầm xác định Âu Cơ bị Đế Lai bạc tình, bỏ rơi. Thật ra, truyện Liễu Nghị này, vua Tự Đức vẫn xác định đó chỉ là truyện do nhà tiểu thuyết viết, khi bàn bạc cùng Quốc sử quán triều Nguyễn trong việc biên soạn “*Cương mục*”. Chúng ta cũng sẽ thấy rất rõ “*Truyện họ Hồng Bàng*” (“*Lạc Long Quân – Âu Cơ và trăm trứng*”) và “*Truyện Liễu Nghị*” này hầu như chỉ giống nhau vài chi tiết về địa danh, không đáng kể. (Xem bản vi tính của Website Việt Kiếm, truy cập theo link của Website Việt Học: viethoc.org, tôi đã mạn phép sao chụp, tạo thành một tệp phụ, thuộc WebTgTXA. này; hoặc có thể đọc ở các trang tìm kiếm - lưu trữ của Google)

(17) Lê Mạnh Thát, sđd. (chú thích 9), sđd., tr. 243.

(18) Lê Mạnh Thát, sđd. (chú thích 9), sđd., tr. 73 & 75. Các nhà làm sử ngày xưa dựa vào tư liệu Trung Hoa để hiệu chính, có lẽ không thoả đáng. Nếu Lạc Long Quân lấy con gái Đế Lai, là rơi vào trường hợp hôn nhân đồng huyết (chú lấy cháu thúc bá lại), mặc dù hôn nhân đồng huyết vốn là tập tục quần hôn thời hồng hoang cổ đại. Tôi thấy thiên sử, GSTS. Lê Mạnh Thát vẫn sử dụng chi tiết *Âu Cơ là vợ trẻ của Đế Lai, khi Đế Lai bỏ lại tại hành cung của Lạc Long Quân, Lạc Long Quân liền cướp Âu Cơ với sự thoả thuận của Âu Cơ (có lẽ Âu Cơ nghĩ mình bị Đế Lai bỏ rơi)*, và *Lạc Long Quân chiến đấu chống sự xâm nhiễu của Đế Lai theo yêu cầu của nhân dân*, đúng như nguyên bản trong “*Lĩnh Nam chích quái*” là thích hợp hơn.

(19) Xem: Nguyễn Văn Siêu, “*Phương Đình dư địa chi*”, Nxb. Văn hoá – Thông tin, 2001, tr. 173-175; Trần Thế Pháp, “*Lĩnh Nam chích quái*”, bản dịch của Lê Hữu Mục, Khai Trí xuất bản, 1960, xem *bài dẫn nhập của Lê Hữu Mục về Maspéro, Przyluski*, tr.16-17; Lê Mạnh Thát, “*Lịch sử Phật giáo Việt Nam*”, tập II, Nxb. Tổng hợp TP.HCM., tr. 18-19; xem thêm: Hai bài của Stephen O’Harrow, sách đã dẫn (chú thích 2), tr. 18 & 52.

(20) Lê Mạnh Thát, sđd. (chú thích 1), sđd., tr. 9.

(21) Lê Mạnh Thát, sđd. (chú thích 1), sđd., tr. 244.

(22) Lê Mạnh Thát, sđd. (chú thích 1), sđd., tr. 244.

(23) Lê Mạnh Thát, sđd. (chú thích 1), sđd., tr. 246-247.

(24) Lê Mạnh Thát, sđd. (chú thích 1), sđd., tr. 247-248.

(25) Lê Mạnh Thát, sđd. (chú thích 1), sđd., tr. 247.

(26) Lê Mạnh Thát, sđd. (chú thích 1), sđd., tr. 87.

(27) Lê Mạnh Thát, sđd. (chú thích 1), sđd., tr. 94-95. Trích “*Lĩnh Nam chích quái*”: “*trì thất thốn văn tê, Kim Quy khai thủy, dẫn vương nhập hải*” (Cầm bảy tác sừng tê có văn, thần Rùa Vàng rẽ nước, đưa vua vào biển).

(28) Lê Mạnh Thát, sđd. (chú thích 1), sđd., tr. 100.

(29) Lê Mạnh Thát, sđd. (chú thích 1), sđd., tr. 109.

(30) Lê Mạnh Thát, sđd. (chú thích 1), sđd., tr. 116.

(31) Thiên sư, GSTS. không đề cập cụ thể và trích dẫn “*Kinh Thánh*”, mặc dù có thể ông có gián tiếp nhắc đến. Xin xem “*Kinh Thánh*”, Hội Thánh Tin Lành Việt Nam, 1986, phần “*Xuất Ê-díp-tô kí*”: 14: 21-31. Để thuật lại việc dân Isael từ Ai Cập trở về nước cũ, phải băng qua Biển Đỏ, Kinh Thánh có đoạn: “*Môi-se giơ tay ra trên biển, Đức Giê-hô-va dẫn trận gió đông thổi mạnh đến, đưa biển lại trọn cả đêm; Ngài làm cho biển bày ra khô, nước phân rã. Dân Y-sơ-ra-ên xuống biển, như đi trên đất cạn; còn nước làm thành một tấm vách ngăn bên hữu và bên tả*” (sđd.: 14:21-22). Mặc dù lúc đi dạy học và khi viết tiểu thuyết “*Mùa hè bên sông*” (Nỗi đau hậu chiến), tôi chưa được đọc “‘*Lục độ tập kinh*’ và *lịch sử khởi nguyên của dân tộc ta*”, nhưng cũng đã liên tưởng đến sự trùng hợp tôi cho là ngẫu nhiên về chi tiết này giữa “*Kinh Thánh*” với “*Truyền thuyết An Dương vương*”.

(32) Lê Mạnh Thát, sđd. (chú thích 1), sđd., tr. 126-128.

(33) Lê Mạnh Thát, sđd. (chú thích 1), sđd., tr. 129.

(34) Lê Mạnh Thát, sđd. (chú thích 1), sđd., tr. 131-132.

(35) Lê Mạnh Thát, sđd. (chú thích 1), sđd., tr. 133.

(36) Lê Mạnh Thát, sđd. (chú thích 1), sđd., tr. 137.

(37) Lê Mạnh Thát, sđd. (chú thích 1), sđd., tr. 136-137.

(38) Lê Mạnh Thát, sđd. (chú thích 1), sđd., tr. 138.

(39) Nguồn của bản vi tính của “*Truyền thuyết Kim Quy*” này: <http://lichsvietnam.info/index.php/03/01/2008>.

(40) Khi viết như vậy, tôi đã chứng minh nguồn gốc dân tộc An Dương vương theo nhận định sơ khởi của “*Cương mục*”. Xem: “*An Dương vương – “giặc Thục” hay anh hùng bị trắng?*” (Trần Xuân An): http://tranxuanan.writer.googlepages.com/suy_nvmsvdtlscdnta_b2.htm

Bổ cứu ngoài lề (01-04 HB8):

1) Có lẽ cũng cần làm rõ hơn vấn đề An Dương vương. Tôi nghĩ rằng, dã sử và văn học dân gian nói chung, trong chừng mực nào đó, vẫn có giá trị ghi nhận sự thật lịch sử ở bình diện vĩ mô (quy mô rộng lớn), như các sự kiện lớn (các trận đánh lớn, các sự biến lớn làm sụp đổ một triều đại...), diễn ra ngay giữa xóm thôn, kinh đô, mọi người dân thuộc những vùng đất đó đều có chứng kiến, mặc dù ở bình diện vi mô (quy mô nhỏ hẹp, thâm kín với hành trạng cá nhân của nhân vật lịch sử...), nhận thức của nhân dân thể hiện trong dã sử, văn học truyền miệng chắc hẳn có nhiều sai lệch, vì rất đơn giản là việc nội bộ, cá nhân hoặc chuyện thâm cung, làm sao nhân gian hiểu rõ tường tận. Theo đó, tôi tin rằng các nhân vật An Dương vương, Mỵ Châu, Trọng Thủy là có thật cùng với các sự kiện vĩ mô (*nhấn mạnh: quy mô rộng lớn, như việc Thục Phán đánh bại vua Hùng thứ 18; việc sáp nhập Âu Việt với Lạc Việt thành nước Âu Lạc; việc Triệu Đà tiến đánh, tuy An Dương vương chiến thắng nhưng phải cắt đất cho Triệu Đà; và nhất là việc Triệu Đà đưa binh sang vây hãm Cổ Loa, sau khi Trọng Thủy hoàn tất kế hoạch gián điệp, trở về Phiên Ngung, dẫn đến thảm cảnh nước mất, nhà tan của Âu Lạc, khởi đầu hơn một ngàn năm Hoa thuộc*), mặc dù các chi tiết thuộc loại “vi mô” như nguồn gốc dân tộc An Dương vương, địa danh có tính chất ý niệm - biểu tượng địa lí (*Ba Thục*), có thể sai lệch hay chí ít cũng dễ bị xuyên tạc (*các nhân vật lịch sử của nước ta thường bị những kẻ vong bản hay kiêu dân xuyên tạc thành người có nguồn gốc Hán – Hoa*). Ngoài ra, lễ hội lịch sử truyền thống lại các địa phương liên quan (hội đền Cổ Loa) hiện vẫn còn duy trì đến nay cũng là một chứng cứ hùng hồn.

2) Vấn đề Lý Phật Tử, Triệu Quang Phục [*] và sự phục hiện truyền thuyết An Dương vương, có thể kể cả truyền thuyết Chử Đồng Tử: Phải chăng sự phục hiện đó là một cách phản ánh sự thật lịch sử bằng thủ pháp văn chương dân gian? Trong thực tế, việc gửi rở để lấy thông tin tình báo không phải hiếm hoi gì, mà có thể lặp đi lặp lại trong nhiều thời đại khác nhau. *Xin lưu ý giúp là Triệu Quang Phục, Lý Phật Tử đều chống sự xâm lược của thực dân phong kiến Trung Hoa và đều là đạo hữu Phật giáo, nhưng lại chia rẽ nhau, tranh chấp với nhau bởi nguyên do là tham sân si và vô minh.* Xem thêm: Về Triệu Quang Phục – Lý Phật Tử trong sự phục hiện truyền thuyết An Dương vương – Triệu Đà:

http://tranxuanan.writer.googlepages.com/suy_nvmsvdtlscdnta_b6.htm

[] Sử cũ, trước Ngô Sĩ Liên, gọi chung là Hậu Lý Nam đế, không chép về Triệu Quang Phục, Đào Lang vương.*

1) Khởi viết: Chiều 28-03 HB8 (2008)

2) Viết tiếp: 11 : 15', 29-03 HB8

3) Viết tiếp: 17 : 50', 29-03 HB8

(có thay hình phá hệ, 21 : 39

4) Viết tiếp: 18 : 20', 30-03 HB8

5) Viết tiếp: 10 : 11', 31-03 HB8

(17 : 15, có bổ sung một đoạn

và đưa xuống dưới một đoạn đã viết lúc ban sáng cùng ngày)

6) Viết tiếp: 17 : 39', 31-03 HB8

7) Tạm hoàn tất: 17 : 39', 31-03 HB8

8) Bổ cứu ngoài lề: 09 : 12', 01-04 HB8

& 20 : 43', 01-04 HB8

9) 02-04 HB8: Tách toàn văn “*Truyện Liễu Nghị*” ra khỏi chú thích 16.

10) Chữa vài lỗi gõ phím và trích từ bài viết, bổ sung vài câu để làm đề từ: 09-04 HB8

11) 10-4 HB8

Trần Xuân An

Filename: txa--ve-lucdtk-lichskn-lemanhthat_3hb8.doc
Directory: C:\Documents and Settings\Administrator\My Documents
Template: C:\Documents and Settings\Administrator\Application
Data\Microsoft\Templates\Normal.dot
Title: TÌM HIỂU “LỰC ĐỘ TẬP KINH’ VÀ LỊCH SỬ KHỎI
NGUYÊN CỦA DÂN TỘC TA”
Subject:
Author: TranXuanAn
Keywords:
Comments:
Creation Date: 3/28/2008 4:02 PM
Change Number: 494
Last Saved On: 4/10/2008 10:58 AM
Last Saved By: TranXuanAn
Total Editing Time: 1,404 Minutes
Last Printed On: 4/10/2008 10:59 AM
As of Last Complete Printing
Number of Pages: 28
Number of Words: 9,947 (approx.)
Number of Characters: 56,698 (approx.)